

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quân.

2. Bà Dương Thị Thắm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Huyền T, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn D, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2022, bản tự khai ngày 05/10/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Mai Thị Huyền T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn D kết hôn với nhau vào ngày 20/5/2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Anh Q, sinh ngày 06/01/2020. Chị T đề nghị giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng), từ nay cho đến khi cháu Q đủ 18(mười tám) tuổi.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Đoàn Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh D (thông qua mẹ đẻ anh D) nhưng anh D đều vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa lần thứ nhất anh D vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh D.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Huyền T, cho chị T được ly hôn anh Đoàn Văn D; về con: giao cháu Đoàn Anh Q, sinh ngày 06/01/2020 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

\* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Chị Mai Thị Huyền T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đoàn Văn D. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Mai Thị Huyền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn Đoàn Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T và anh D.

\* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Huyền T và anh Đoàn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh D chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương thì thấy: sau khi kết hôn, vợ chồng anh D, chị T chung sống bình thường và có một con chung, một thời gian sau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến việc chị T bỏ về sống tại gia đình bố mẹ đẻ tại xã Y, còn con chung hiện nay đang ở cùng anh D. Từ những mâu thuẫn nêu trên, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh D cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị T, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Anh Q, sinh ngày 06/01/2020. Chị T đề nghị để cho anh D trực tiếp nuôi con vì hiện nay con đang ở với anh D, chị không muốn xáo trộn cuộc sống của con. Xét thấy, mặc dù cháu Q còn nhỏ tuổi nhưng hiện nay đang ở với bố, việc chị T đề cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, còn anh D không có ý kiến gì, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Q cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh D mỗi tháng 5.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, còn anh D không có ý kiến gì, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Huyền T, cho chị T được ly hôn anh Đoàn Văn D.

2. Về con: Giao cháu Đoàn Anh Q, sinh ngày 06/01/2020 cho anh Đoàn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Mai Thị Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu Q đủ 18(mười tám) tuổi. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Huyền T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0015091 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**